

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/5/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yên Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Diễm

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17/3/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc P, sinh năm 1988

Địa chỉ: số 420, ấp 7, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Anh Phạm Hồ Bảo T, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 13, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đinh Thị Bé M-Văn phòng luật sư Đinh M, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang

Tất cả đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Phạm Ngọc P trình bày:

Chị và anh Phạm Hồ Bảo T kết hôn vào ngày 25/5/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại ấp 13, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt, anh chị đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay.

Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị P yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Hồ Bảo T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Chị P và anh Phạm Hồ Bảo T có 1 con chung: Phạm Phan Thế A, sinh ngày 24/01/2017 hiện đang sống với mẹ. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thế A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Phạm Hồ Bảo T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Ngọc P về quá trình kết hôn. Từ năm 2019, vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nhiều vấn đề khác. Đến nay anh chị không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa. Nay chị P xin ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị Phạm Ngọc P, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị Phạm Ngọc P có 1 con chung: Phạm Phan Thế A, sinh ngày 24/01/2017 hiện đang sống với mẹ. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thế A, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn chị Phạm Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Phạm Hồ Bảo T đồng ý ly hôn với chị P nhưng không đồng ý để chị P trực tiếp nuôi con chung. Anh T có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Phan Thế Anh, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Do điều kiện của anh T tốt hơn, giờ giấc làm việc ổn định, thu nhập cao hơn chị P nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu của các đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

- Chị Phạm Ngọc P khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Phạm Hồ Bảo T và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- Bị đơn anh Phạm Hồ Bảo T hiện đang cư trú tại ấp 13, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân

sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Ngọc P và anh Phạm Hồ Bảo T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/5/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị P cho rằng chị và anh T bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt, anh chị đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành; nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên cương quyết xin được ly hôn. Về phía anh T, anh T cũng thừa nhận giữa anh và chị P phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nhiều vấn đề khác. Đến nay anh chị không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, chị P xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Phạm Ngọc P và anh Phạm Hồ Bảo T là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Ngọc P và anh Phạm Hồ Bảo T có 1 con chung: Phạm Phan Thế A, sinh ngày 24/01/2017 hiện đang sống với mẹ. Cả chị P và anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thế A, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, cả chị P và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Việc anh T cho rằng trong thời gian cháu Thế A về sống với chị P từ tháng 01/2021 đến nay thì tình trạng sức khỏe cháu không tốt, cháu bị suy dinh dưỡng và có nhiều bệnh. Tuy nhiên, qua xem xét các toa thuốc mà anh T cung cấp cho Tòa án có thể thấy sức khỏe của cháu Thế A không tốt từ khi còn rất nhỏ chứ không phải đến thời điểm về sống với chị P mới không tốt do không chăm sóc chu đáo. Vì vậy, lời trình bày của bị đơn anh T cũng như của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở để xem xét.

Xét thấy cháu Phạm Phan Thế A còn rất nhỏ cần được sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ mẹ. Cháu hiện đang sống với mẹ và có cuộc sống, sinh hoạt ổn định nên để tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện tại cũng như ảnh hưởng đến tâm lý của con chung sau khi cha mẹ ly hôn, cần giao cháu Thế A cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, yêu cầu của chị P là có cơ sở được chấp nhận. Xét việc chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Phạm Ngọc P và anh Phạm Hồ Bảo T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Phạm Ngọc P và anh Phạm Hồ Bảo T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Phạm Ngọc P phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Ngọc P đối với bị đơn anh Phạm Hồ Bảo T, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Ngọc P được ly hôn với anh Phạm Hồ Bảo T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Phan Thế A, sinh ngày 24/01/2017 cho chị Phạm Ngọc P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thế A đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị P không yêu cầu anh Phạm Hồ Bảo T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Ngọc P và anh Phạm Hồ Bảo T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Phạm Ngọc P và anh Phạm Hồ Bảo T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Phạm Ngọc P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006945 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị P đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương